TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2022
Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sự

Bà Lê Thị L1 Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn L1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp M, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh Nh1, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp S, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

Ông L1 có mặt, bà Nh1 vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 08 tháng 02 năm 2022 nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án Nh1 sau:

Yêu cầu của ông L1: Xin được ly hôn với bà Nh1, yêu cầu giao con chung tên Lê Ngọc Huỳnh M1, sinh ngày 02/01/2017 cho bà Nh1 nuôi dưỡng và chăm sóc, ông cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng tháng 7 năm 2022 cho đến khi đủ 18 tuổi, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nội dung vụ án và lý do yêu cầu được ông L1 trình bày Nh1 sau: Ông và ông Được sau một thời gian quen và tìm hiểu nhau thì được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện; Vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện V, tỉnh Long An ngày 07/02/2017. Sau khi cưới, hai vợ chồng đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2018 thì về sinh sống tại ấp M, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cải và từ đó đến nay cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng đã tìm mọi cách hàn gắn nhưng không có kết quả và không còn sống chung cho đến nay nên ông xin được ly hôn. Ông và bà Nh1 có một con chung tên Lê Ngọc Quỳnh M1, sinh ngày 02/01/2017 (hiện nay đang ở chung với bà Nh1). Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn bà Nh1 trình bày: Bà Nh1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần Nh1ng đều vắng mặt nhưng tại đơn đề nghị vắng mặt đề ngày 29/4/2022 được UBND xã Khánh Hưng xác nhận chữ ký, bà Nh1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, vợ chồng không có tài sản chung, bà đồng ý nuôi con chung và nhận cấp dưỡng nuôi con chung từ ông L1.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố Tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chấp hành tương đối đúng quy định, còn vắng mặt không lý do tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

Nội dung vụ án: Ông L1 và bà Nh1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình; Ông L1 đã nhiều lần muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không có kết quả, bà Nh1 không có thiện chí hoặc đưa ra biện pháp hàng gắn tình cảm vợ chồng nên cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ; Con chung cháu Lê Ngọc Quỳnh M1, sinh ngày 02/01/2017 hiện đang sống chung với bà Nh1, ông L1 có ý kiến giao con chung cho bà Nh1 nuôi dưỡng, ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 7 năm 2022 và được bà Nh1 thống nhất. Về tài sản chung và nợ chung ông L1 xác định không có. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông L1: Ông L1 được ly hôn với bà Nh1 giao con chung cho bà Nh1 nuôi dưỡng và chăm sóc, ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi, cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Ông L1 yêu cầu ly hôn với bà Nh1, bà Nh1 có nơi cư trú tại xã Kh, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bà Nh1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh1 là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông L1 và bà Nh1 được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kh, huyện V vào ngày 07/02/2017 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, được giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình;

Ông L1 xác định vợ chồng đã nhiều lần bàn bạc để hàn gắn tình cảm với nhau Nh1ng không có kết quả, vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2018 cho đến nay nên ông giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; Bà Nh1 nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại tất cả các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và không đưa ra ý kiến hoặc giải pháp sẽ hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông L1. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của ông L1 và bà Nh1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con chung Lê Ngọc Quỳnh M1 đang ở chung với bà Nh1, ông L1 có ý kiến giao con cho bà Nh1 nuôi dưỡng và được bà Nh1 thống nhất. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 12/5/2022 tại xã Khánh Hưng thì bà Nh1 và ông L1 đều có việc làm, có thu nhập ổn định, bà Nh1 đảm bảo đủ điều kiện chăm lo cho con chung phát triển về mọi mặt. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông L1, giao con chung cho bà Nh1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định tại Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc cấp dưỡng nuôi con chung là trách nhiệm của cha mẹ đối với con và mức cấp dưỡng được xác định dựa trên sự thỏa thuận của các bên, mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét thấy, ông L1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi, bà Nh1 cũng có ý kiến thống nhất nhận cấp dưỡng và không có yêu cầu khác. Vì vậy, ông L1 có ý kiến vào ngày 01 hàng tháng cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ nên được ghi nhận.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Ông L1 trình bày không có tài sản chung và nợ chung, còn bà Nh1 cũng xác định không có tài sản chung. Đối với nợ chung thì bà Nh1 không có ý kiến hay yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, tranh chấp nuôi con của ông L1.

[6] Về án phí: Do ông L1 không thuộc trường hợp được miễn án phí nên ông L1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình không giá ngạch là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Văn L1 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với bà Nguyễn Thị Huỳnh Nh1.

Về hôn nhân: Ông Lê Văn L1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Huỳnh Nh1.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc Huỳnh M1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 02/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Huỳnh Nh1 trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn L1 về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Văn L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian cấp dướng bắt đầu từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích của con chung hoặc cá nhân, tổ chức theo luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Ông Lê Văn L1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông Lê Văn L1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003621 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng sang tiền án phí nên ông Lê Văn L1 phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Báo cho ông Lê Văn L1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Huỳnh Nh1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã Kh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu